

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/KDTM-ST

Ngày: 30 - 9 - 2024

*“Tranh chấp hợp đồng thi công,
cung ứng, lắp đặt thiết bị”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Công Quốc**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Sơn**

Ông **Nguyễn Tuấn Ngọc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Bích Hậu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Quỳnh Trang**

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2024/TLST-KDTM ngày 08 tháng 7 năm 2024 về việc *“Tranh chấp hợp đồng thi công, cung ứng, lắp đặt thiết bị”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-KDTM ngày 11/9/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST-KDTM ngày 20 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần R**; Trụ sở: **5 V, quận S, thành phố Đà Nẵng**; Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Ngọc T1** – Chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Thái Thị H** – Chức vụ: Chuyên viên pháp chế (*Theo văn bản ủy quyền số 27/2024/RGG-GUQ ngày 20/4/2024*). Có mặt.

- Bị đơn: **Công ty TNHH X**; Trụ sở: **149 đường A, Khu dân cư V, phường B, quận B, TP Hồ Chí Minh**; Trụ sở chính do bị đơn cung cấp: **06 đường C, khu dân cư V, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh**; Người đại diện theo pháp luật: Bà **Phạm Thị T2** –

Chức vụ: Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Văn M** – Trú tại: **P, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước** (Theo văn bản ủy quyền số 1609/GUQ-DRL/2024 ngày 16/9/2024). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/5/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là **Công ty Cổ phần R** và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/09/2021, **Công ty Cổ Phần Đ** (Nay là **Công ty Cổ phần R**) và **Công ty TNHH X** đã ký kết Hợp đồng cung cấp, thi công số 10-RP/2021/HĐXL/ĐXMT-TVM để thực hiện gói thầu Cung cấp và lắp đặt đồ chơi liên hoàn cho Dự án: Khu biệt thự ven **sông C (Regal O)** và Khu nhà ở **phía Đ đường T (R)**, tổng giá trị hợp đồng là 1.662.214.400đ và thỏa thuận thanh toán theo tiến độ.

Thực hiện hợp đồng, **Công ty R** đã thanh toán đúng cam kết, **Công ty X** có trách nhiệm cung ứng, lắp đặt thiết bị theo yêu cầu của **Công ty R**. Theo đó bộ đồ chơi liên hoàn do **Công ty X** đem đến lắp đặt tại công trình thuộc dự án **Regal O** là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của **Công ty R** (do **Công ty** đã thanh toán tiền tương ứng với giá trị sản phẩm). Sản phẩm bộ đồ chơi liên hoàn đã lắp đặt xong, nhưng vẫn chưa xử lý dứt điểm các lỗi, sự cố. Do đó Ngày 22/09/2022, trong quá trình kiểm tra lỗi cùng Ban quản lý dự án của **Công ty R**, đại diện cán bộ công trường của **Công ty X** đánh giá không thể sửa chữa tốt ngay trên công trường và yêu cầu chuyển thiết bị ra khỏi công trường về nhà máy của TVM để xử lý. Tại biên bản xác nhận, đại diện cán bộ công trường của **Công ty X** cam kết ngày 27/9/2022, nhà thầu TVM sẽ mang đến công trường lắp lại và tiến hành mời Ban quản lý nghiệm thu. Tuy nhiên đến nay, **Công ty X** vẫn chưa hoàn thành việc sửa chữa và chuyển thiết bị về cho **Công ty R**.

Qua nhiều lần đề nghị bàn giao tài sản và hướng giải quyết nhưng không mang lại hiệu quả, nay **Công ty R** khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc **Công ty TNHH X** phải trả cho **Công ty R** tổng số tiền là 686.435.728đ. Trong đó:

- Tiền hoàn trả tương ứng với giá trị **bộ T5** liên hoàn **Công ty TNHH X** đã lấy về là 486.970.000đ.

- Phạt vi phạm Hợp đồng do vi phạm chất lượng và không thực hiện sửa chữa, bàn giao đúng quy định với mức phạt là 12% giá trị Hợp đồng. Cụ thể là 12% x 1.662.214.400đ = 199.465.728đ.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn bổ sung yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên bố chấm dứt hợp đồng số 10-RP/2021/HĐXL/ĐXMT-TVM ngày 17/9/2021 đã được ký kết giữa hai bên.

* *Tại bản trình bày ý kiến ngày 05/8/2024 bị đơn - Công ty X trình bày:*

Ngày 17/9/2021 Công ty Cổ phần Đ và Công ty TNHH X đã ký kết hợp đồng cung cấp, thi công số 10-RP2021/HĐXL/ĐXMT-TVM để thực hiện gói thầu Cung cấp và lắp đặt đồ chơi liên hoàn cho công trình: Khu biệt thự ven sông C (Regal O) và Khu nhà ở phía Đ đường T (R).

Ngày 08/4/2022 Công ty X đã thi công hoàn thiện gói thầu: Cung cấp và lắp đặt đồ chơi liên hoàn cho công trình Khu biệt thự ven sông C và Khu nhà ở phía Đông đường T (One R và R). Ngày 09/4/2022 đại diện Công ty X và đại diện ban Q và Regal P đã ký biên bản nghiệm thu công việc.

Sau khi ký biên bản nghiệm thu công việc và khắc phục lỗi tại dự án, Công ty X đã nhiều lần liên hệ với đại diện công trình là ông Hoàng Trung T3 (Giám sát tại khu vực R), ông Trần Phước B (Giám sát tại khu vực O) và các bộ phận liên quan của Công ty Đ yêu cầu nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình nhưng không nhận được phản hồi từ Công ty Đ.

Ngày 30/5/2022 Công ty X nhận được Email của Công ty Đ với nội dung: “Theo chỉ đạo của sếp đồng ý thanh toán đến 90% giá trị hợp đồng (Khấu trừ các khoản tạm ứng thanh toán trước đó) và các lỗi defect nhàu thầu sẽ defect để nghiệm thu quyết toán”.

Công ty X đã trình hồ sơ quyết toán đến 90% giá trị hợp đồng cho Công ty Đ tuy nhiên phía Công ty Đ cố tình kéo dài không duyệt hồ sơ thanh toán và không thực hiện thanh toán theo thỏa thuận tại Email gửi ngày 30/5/2022 cho Công ty X. Gói thầu Cung cấp và lắp đặt đồ chơi liên hoàn cho công trình: Khu biệt thự ven sông C (Regal O) và Khu nhà ở phía Đông đường T (R) đã hoàn thành và được Công ty Đ đưa vào sử dụng.

Ngày 27/10/2022 Công ty X có Công văn 2710/CV-TVM/2022 yêu cầu thanh toán 90% giá trị hợp đồng, việc khắc phục lỗi sản phẩm sẽ tạm ngưng cho đến khi Công ty Đ thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Email ngày 30/5/2022 nói trên. Vì vậy Công ty X không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án như sau:*

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, quá trình giải quyết vụ án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho các bên đương sự, nguyên đơn, bị đơn đều đã có ý kiến về vụ án. Tại phiên tòa bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng hoặc sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án là đảm bảo về mặt thủ tục.

Về nội dung: Hợp đồng cung cấp, thi công số 10-RP2021/HĐXL/ĐXMT-TVM được ký kết giữa Công ty Đ (nay là Công ty R) với Công ty X là đảm bảo về mặt chủ thể, nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, Luật xây dựng, do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ, buộc các bên phải thực hiện. Qua chứng cứ, tài liệu các bên cung cấp cũng như diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 274, 351 và 418 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty R. Buộc Công ty X phải trả tổng số tiền là 686.435.728đ. Trong đó:

- Tiền hoàn trả tương ứng với giá trị tài sản Công ty X đã lấy về là 486.970.000đ.
- Phạt vi phạm Hợp đồng do vi phạm chất lượng và không thực hiện sửa chữa, bàn giao đúng quy định với mức phạt là 12% giá trị Hợp đồng tương số tiền 199.465.728đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu, yêu cầu của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về các vấn đề của vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng thi công, cung ứng, lắp đặt thiết bị giữa hai Công ty và đều vì mục đích lợi nhuận, địa điểm thực hiện hợp đồng tại dự án O thuộc phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Mặc dù Hợp đồng các bên có thoả thuận về việc lựa chọn Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nhưng thoả thuận không rõ ràng. Do đó trường hợp này căn cứ điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự nguyên đơn lựa chọn khởi kiện tại Tòa án nơi thực hiện hợp đồng và Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn thụ lý vụ án là đúng quy định về thẩm quyền.

[1.2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, gửi đầy đủ các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Nguyên đơn, bị đơn đều có ý kiến về vụ án. Đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đảm bảo về mặt tố tụng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

[2.1] Hợp đồng cung cấp, thi công số 10-RP/2021/HĐXL/ĐXMT-TVM ngày 17/9/2021 được ký kết giữa Công ty Đ (Nay là Công ty R) và Công ty X là đảm bảo về mặt chủ thể, nội dung hình thức phù hợp với quy định pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết. Căn cứ nội dung Hợp đồng, Công ty Đ

giao Công ty X cung cấp và lắp đặt đồ chơi liên hoàn dự án O và Regal P theo đúng sơ đồ thiết kế, quy cách kỹ thuật và chủng loại vật tư đã được phê duyệt. Tại phụ lục số 01 kèm theo các bên thoả thuận về giá trị hợp đồng là 1.662.214.400đ trong đó Bộ L có xuất xứ Malaysia kích thước 637 * 640 * 390 trị giá 486.970.000đ lắp đặt tại dự án One R. Về điều khoản thanh toán: “Sau khi ký hợp đồng bên A tạm ứng cho bên B 30% giá trị hợp đồng tương đương 498.664.320đ”; “- Đợt 1 bên A thanh toán đến 80% giá trị hợp đồng ...sau khi đã khấu trừ tạm ứng trước đó trong vòng 7 ngày kể từ ngày bên B tập kết toàn bộ hàng hoá xuống chân công trình và nghiệm thu vật liệu đầu vào của bên A”. “- Đợt cuối sau khi nhà thầu hoàn tất công tác bàn giao và được chủ đầu tư nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng, tiếp nhận và nhận được hồ sơ đầy đủ, chủ đầu tư sẽ thanh toán đến 100% giá trị hợp đồng...”. Công ty Đ đã thanh toán đợt 1 tương ứng 80% giá trị hợp đồng là 1.305.593.856 đ đúng như thoả thuận. Tại Biên bản làm việc ngày 17/9/2022 đại diện chủ đầu tư đã chỉ ra các lỗi của nhà thầu “lớp sơn hoàn thiện không đạt; ốc vít và sắt không bảo vệ; Dây bị đứt và mòn”; Biên bản làm việc ngày 22/9/2022 tại dự án O nhà thầu có tháo rời 02 lồng và 06 cây mang về defect và cam kết mang đến lắp lại vào ngày 27/9/2022, cả hai biên bản đều có xác nhận của ông Nguyễn Hà Trọng T4 – Cán bộ kỹ thuật Công ty X.

[2.2] Ngày 27/10/2022 Công ty X có văn bản số 2710/CV-TVM/2022 cho rằng Công ty Đ đã có email thông báo đồng ý thanh toán 90% giá trị quyết toán nên đề nghị Công ty Đ thanh toán 90% giá trị quyết toán và Công ty X sẽ tạm ngưng thực hiện việc sửa chữa, lắp đặt tại công trình One R cho đến khi Công ty Đ thực hiện việc thanh toán. Tại văn bản này, Công ty X cũng đề cập sự kiện nghiệm thu vào ngày 09/4/2022 giữa hai bên, đồng thời nộp kèm bản ảnh hai biên bản “nghiệm thu công việc xây dựng” có chữ ký của đại diện TVM là ông Nguyễn Hà Trọng T4. Trong đó tại biên bản nghiệm thu lắp đặt bộ L ý kiến các bên có đề cập “sửa chữa sơn tróc, cạnh nhựa, hoen gỉ”, điều này thể hiện có phát sinh lỗi đối với công trình và việc đề nghị sửa chữa bộ L đã diễn ra trên thực tế, lỗi thuộc trách nhiệm của bên lắp đặt là Công ty X.

[2.3] Như vậy, hợp đồng 10-RP/2021/HĐXL/ĐXMT-TVM ngày 17/9/2021 cùng với phụ lục đính kèm là Hợp đồng song vụ được lập thành văn bản quy định chi tiết quyền, nghĩa vụ của các bên. Tại Điều 18 Hợp đồng các bên thoả thuận “Bất kỳ sự thay đổi, sửa chữa hoặc bổ sung nào trong hợp đồng này đều không có hiệu lực trừ khi chúng được lập thành văn bản và có chữ ký đóng dấu của hai bên”. Việc Công ty Đ thanh toán 80% giá trị là đúng với thoả thuận tại Điều 4 Phụ lục Hợp đồng, Công ty X chỉ căn cứ vào nội dung trao đổi qua Email để yêu cầu Công ty Đ phải thanh toán đủ 90% giá trị (trong khi điều khoản hợp đồng không có mức thanh toán 90% giá trị) và lấy lý do Công ty Đ chưa thanh toán đủ 90% để trì hoãn nghĩa vụ sửa chữa, lắp đặt là vi phạm nội dung Hợp đồng. Mặt khác xét nội dung biên bản nghiệm thu lắp đặt bộ liên hoàn 1 cũng thể hiện phần lỗi của nhà thầu đối với chất lượng thi công, lắp đặt.

[2.4] Từ phân tích trên, có cơ sở xác định phía nhà thầu là Công ty X đã vi phạm hợp đồng và hiện đang giữ bộ liên hoàn 1 xuất xứ Malaysia, có kích thước 637 * 640 * 390 trị giá 486.970.000đ. Về nguyên tắc thì cần buộc Công ty X phải khắc phục, sửa chữa, trả lại và lắp đặt đúng vị trí cho Công ty R, tuy nhiên đây loại hàng hoá đặt thù, tính năng, thông số kỹ thuật chi tiết và phức tạp. Việc tuyên giao trả, lắp đặt tài sản là khó thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ giá trị tài sản được đề cập tại phụ lục 1 làm căn cứ và buộc Công ty X phải trả lại số tiền tương ứng là 486.970.000đ.

[2.5] Đối với yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng tương ứng 12% giá trị, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại Điều 13 Hợp đồng, các bên đã thỏa thuận mức phạt vi phạm phù hợp với quy định tại Điều 146 Luật xây dựng. Đối với việc thực hiện hợp đồng này, vi phạm của Công ty X đến nay đã hơn 02 năm, phần việc trong hợp đồng không còn thực hiện trên thực tế, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của chủ đầu tư là Công ty R. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu phạt hợp đồng của Công ty theo mức 12% giá trị như thỏa thuận tại Điều 13 của Hợp đồng tương ứng số tiền là 199.465.728đ.

[3] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn bổ sung yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên bố chấm dứt hợp đồng số 10-RP/2021/HĐXL/ĐXMT-TVM ngày 17/9/2021, nội dung này Hội đồng xét xử thấy rằng: Vụ án này các bên tranh chấp với nhau về điều khoản, các giao dịch của Hợp đồng, mặc dù yêu cầu khởi kiện ban đầu nguyên đơn không yêu cầu Tòa án tuyên bố chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên kể từ ngày 09/4/2022 đến nay các bên không thực hiện hợp đồng trên thực tế đồng thời khi giải quyết vụ án này đặt ra trách nhiệm pháp lý của từng bên liên quan đến hợp đồng và giải quyết hậu quả của hợp đồng. Do đó việc bổ sung yêu cầu tuyên bố chấm dứt hợp đồng của nguyên đơn là có cơ sở xem xét, chấp nhận – không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu.

[4] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Theo đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản buộc phải trả cho nguyên đơn.

[5] Về quyền kháng cáo: Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn được thực hiện theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 275; Điều 351; Điều 357;

Điều 468; Điều 418 Bộ luật dân sự; Điều 144; Điều 146 Luật xây dựng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần R đối với Công ty TNHH X về việc tranh chấp hợp đồng thi công, cung ứng, lắp đặt thiết bị

*** Xử:**

1/ Buộc Công ty TNHH X phải trả Công ty Cổ phần R số tiền phát sinh từ hợp đồng thi công cung ứng, lắp đặt thiết bị là 686.435.728đ (*Sáu trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi lăm ngàn bảy trăm hai mươi tám đồng*) Trong đó, tiền bồi thường tài sản là 486.970.000đ (*Bốn trăm tám mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi ngàn đồng*), tiền phạt vi phạm là 199.465.728đ (*Một trăm chín mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi lăm ngàn bảy trăm hai mươi tám đồng*).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2/ Tuyên bố chấm dứt hợp đồng cung cấp, thi công lắp đặt số 10-RP/2021/HĐXL/ĐXMT-TVM ngày 17/9/2021 giữa Công ty Cổ phần Đ (nay là Công ty Cổ phần R) với Công ty TNHH X.

3/ Về án phí: Công ty Cổ phần R không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần R số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 15.728.000đ (*Mười lăm triệu bảy trăm hai mươi tám ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003341 ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Buộc Công ty TNHH X phải chịu 31.457.429đ (*Ba mươi một triệu bốn trăm năm mươi bảy ngàn bốn trăm hai mươi chín đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Dương sự;
- Chi cục THADS Q. NHS;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Công Quốc